

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/DS - ST

Ngày: 24/11/2018

V/v “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH Q

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Túc

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Quý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Q.

Ngày 24/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2018/TLST-DS ngày 14/8/2018 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A (VPB FC).

Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà R, số 9 đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mỹ H (Theo văn bản ủy quyền số 80/UQ – VH.18 ngày 13/06/2018 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty A).

Người được ủy quyền lại: Hồ Văn H, sinh năm 1994, địa chỉ: 24 Tổng Duy Tân, phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (Theo văn bản ủy quyền số 3789/UQTA – VH.18 ngày 01/7/2018).

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm Khê An, thôn L, xã K, thành phố Q, tỉnh Q;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/7/2018, bản trình tự khai ngày 10/10/2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 08/5/2016 chị Phan Thị Mỹ H có ký Hợp đồng tín dụng với Công ty A vay số tiền gốc 26.375.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng chị Phan Thị Mỹ H có trách

nhiệm thanh toán 40.459.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.686.000 đồng, tháng cuối cùng 1.681.000 đồng. Bắt đầu trả từ ngày 19/6/2016. Chị H đã thanh toán 6 lần với tổng số tiền đã trả là 10.116.000 đồng (trong đó đã trả gốc là 4.593.809 đồng, lãi là 5.522.191 đồng). Kể từ ngày 22/12/2016 đến nay, chị H không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Nay yêu cầu chị H phải trả khoản tiền còn lại tổng cộng là 30.343.000 đồng (trong đó gốc là: 21.781.191 đồng, lãi là: 8.561.809 đồng) và lãi chậm thi hành án.

Chị Phan Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 02/10/2018 và biên bản hòa giải ngày 02/10/2018 chị H thừa nhận có nợ của Công ty A số tiền là 40.459.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), chị đã trả được 6 lần hơn mười triệu đồng và không tiếp tục trả được nữa vì chồng bị tai nạn và hiện nay chị đang mang thai chưa đi làm việc được để kiếm tiền trả cho Công ty. Nay chị yêu cầu Công ty tạo điều kiện để cho chị trả nợ dần mỗi tháng trả gốc là 500.000 đồng cho đến khi trả xong nợ gốc và xin không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty A (VPB – FC) khởi kiện yêu cầu chị Phan Thị Mỹ H có địa chỉ tại xóm Khê An, Thôn L, xã K, thành phố Q, tỉnh Q phải trả số tiền nợ gốc và lãi là 30.343.000 đồng phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 20160517-50000-1886 ngày 08/5/2017. Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Q xác định quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, bị đơn đã nhận và viết bản tự khai ngày 02/10/2018, tham gia phiên hòa giải ngày 02/10/2018 và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy đăng ký kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản được giao kết giữa Công ty với chị Phan Thị Mỹ H đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, theo đó chị H đã vay Công ty số tiền gốc là 26.375.000 đồng và theo kế hoạch trả nợ chị H phải trả gồm 24 kỳ với tổng số tiền gốc là 26.375.000 đồng và tiền lãi là 14.084.000 đồng, tổng cộng là 40.459.000 đồng. Thực hiện hợp đồng chị H đã nhận đủ số tiền do Công ty giải ngân qua hệ thống bưu điện Việt Nam theo số Hợp đồng tín dụng số 20160517-500000-1886 và đã thanh toán cho Công ty A 06 lần với tổng số tiền đã trả 10.116.000 đồng (trong đó tiền gốc đã trả là 4.593.809 đồng, lãi là 5.522.191 đồng). Kể từ ngày 22/12/2016 đến nay, chị H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào

cho Công ty A. Tại phiên tòa, chị H xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 10/10/2018, chị thừa nhận còn nợ Công ty số tiền là 30.343.000 đồng (trong đó tiền gốc là: 21.781.191 đồng, tiền lãi là: 8.561.809 đồng), nhưng vì điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn yêu cầu cho trả dần mỗi tháng 500.000 đồng nhưng Công ty không đồng ý bởi lẽ số tiền vay lớn nhưng số tiền trả dần thì quá ít kéo dài thời hạn thanh toán là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Do chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Phan Thị Mỹ H phải chịu: $30.343.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.517.150 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty A tiền tạm ứng án phí đã nộp 758.575 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003532 ngày 09/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A (VPB – FC) về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng số 20160517-500000-1886 ngày 08/5/2017.

Buộc chị Phan Thị Mỹ H phải thanh toán cho Công ty A (VPB – FC) số tiền nợ gốc là 21.781.191 đồng, tiền lãi là 8.561.809 đồng. Tổng cộng là 30.343.000 đồng (Ba mươi triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Mỹ H phải chịu 1.517.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty A (VPB – FC) số tiền 758.575 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003532 ngày 09/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TỈNH Q;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc